TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020**/HNGĐ-ST
Ngày **10/8/2020**
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Rô Be**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đào Thị Mỹ H** , sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Y , xã C , huyện D , tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: số 133, tổ 05, ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn S** , sinh năm 1990 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: thôn Y, xã C , huyện D , tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: khu phố Đ , thị trấn TH , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Đào Thị Mỹ H trình bày:** Chị Đào Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn S tự tìm hiểu quen biết nhau khoảng 01 năm và đi đến kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C , huyện D , tỉnh Hà Nam ngày 02/8/2013.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S không lo làm ăn, không có

trách nhiệm với vợ con, hay rượu chè cờ bạc, anh S còn hay đánh đập chị H . Vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, chị H có khuyên nhiều lần nhưng anh S không thay đổi, thấy chung sống với nhau không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Thanh T - sinh ngày 28/4/2013.

2. Nguyễn Như Q - sinh ngày 30/01/2016. Hiện chị H đang nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H yêu cầu được ly hôn với anh S .

- *Về con chung:* Chị H yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Văn S để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Nguyễn Văn S vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Mỹ H .

- *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao hai cháu Nguyễn Thanh T - sinh ngày 28/4/2013 và Nguyễn Như Q - sinh ngày 30/01/2016 cho chị Đào Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu T , là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh S vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S .

Xét thấy, anh S chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh S không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S chung sống với nhau được UBND xã C , huyện D , tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh S không có trách nhiệm với vợ con, hay rượu chè cờ bạc, anh S còn hay đánh đập chị H , từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Tại phiên tòa, chị H thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị H và anh S hai bên đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H được ly hôn với anh S .

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh S chung sống có 02 người con tên Nguyễn Thanh T - sinh ngày 28/4/2013 và Nguyễn Như Q - sinh ngày 30/01/2016, hiện đang sống với chị H .

Xét thấy, cháu T và cháu Q hiện đang sống với chị H và nguyện vọng của cháu T là muốn ở với chị H , cháu Q đang được chị H nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị H tiếp tục nuôi hai người con là phù hợp, chị H có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp anh S cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn S .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đào Thị Mỹ H tiếp tục nuôi hai người con tên Nguyễn Thanh T - sinh ngày 28/4/2013 và Nguyễn Như Q - sinh ngày 30/01/2016. Chị Đào Thị Mỹ H không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đào Thị Mỹ H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn S tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Đào Thị Mỹ H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000603 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã C , huyện D ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến